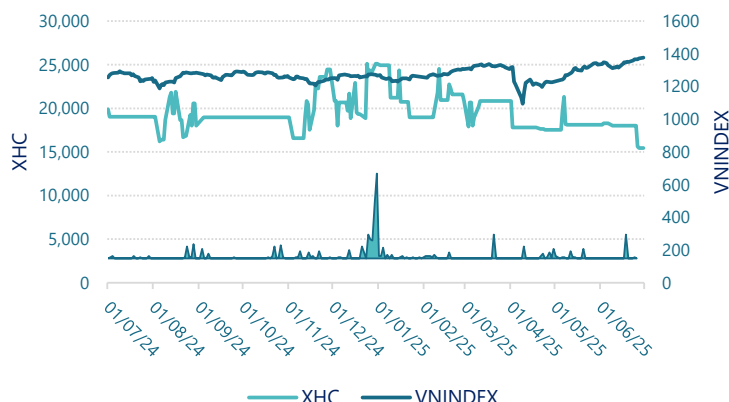


CTCP Xuân Hòa Việt Nam (UPCOM: XHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,105
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,442
SL cổ phiếu LH	21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
P/E	5.3
EPS	3,077

DT thuần

Q2/25

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -1.2%

YoY: ▼57.0| -33.2%

LN sau thuế

Q2/25

64.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0| 17797%

YoY: ▲ 13.7| 27.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

58.3%

+/- YoY: ▲ 25.7%

DT thuần

6T 2025

233

tỷ VNĐ

YoY: ▼50.0| -17.7%

LN sau thuế

6T 2025

64.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.8| 27.0%

ROE

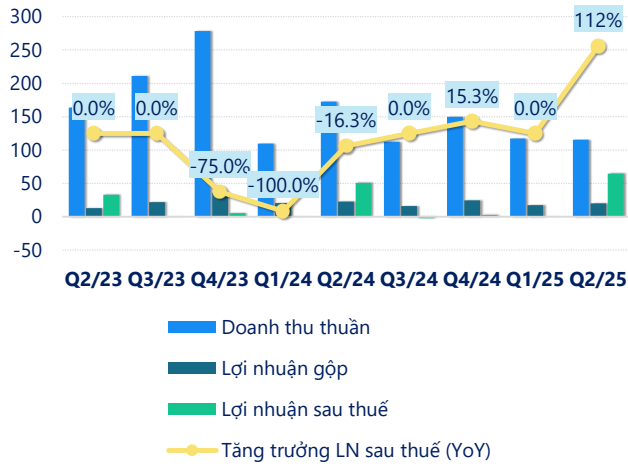
Q2/25

16.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

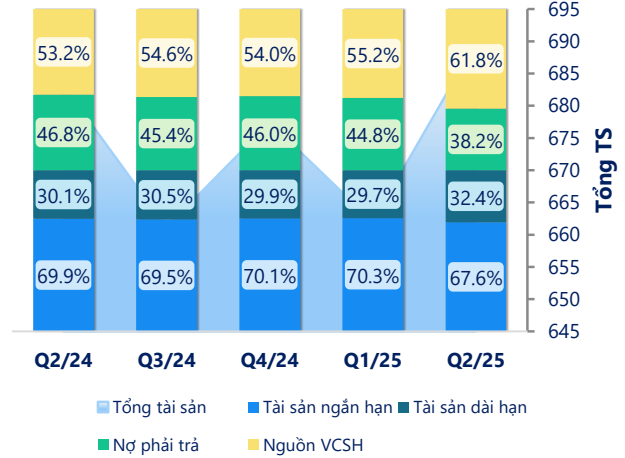
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

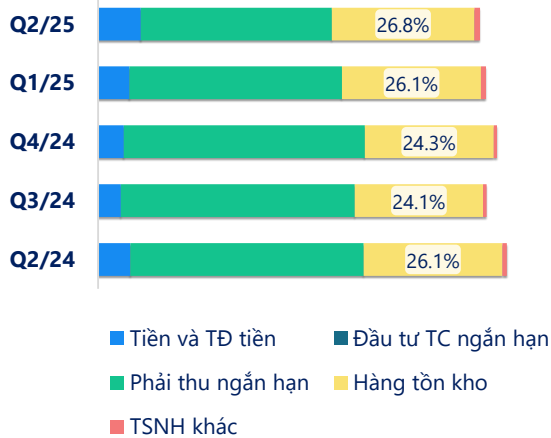
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



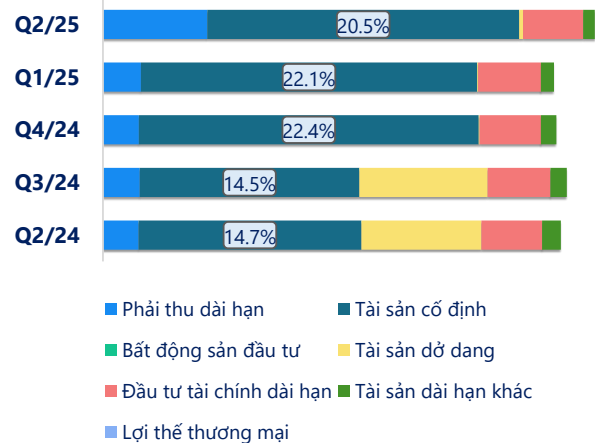
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

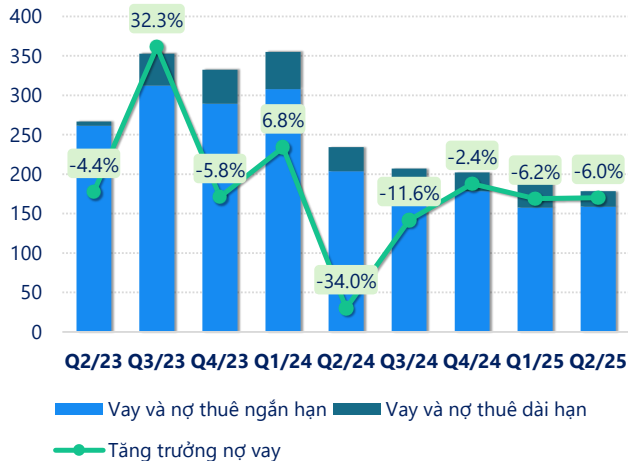
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

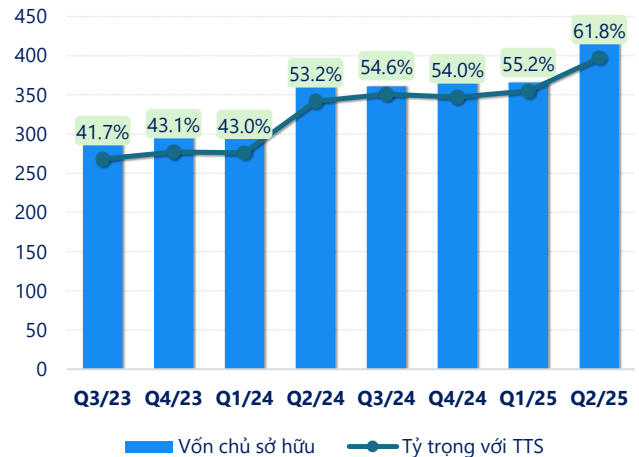
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

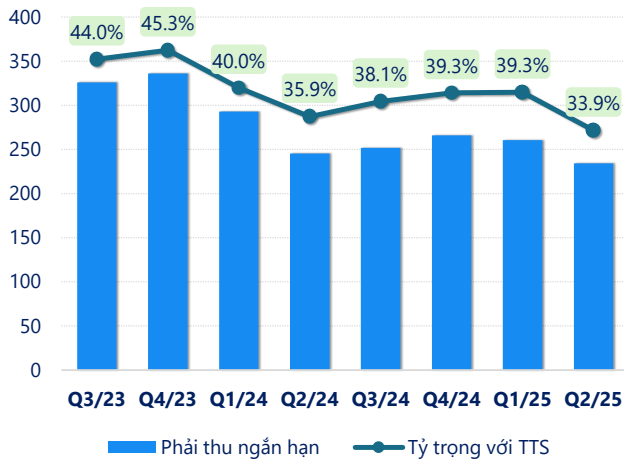
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



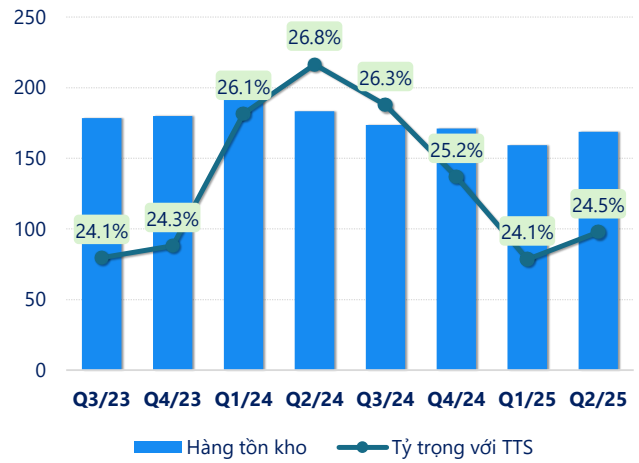
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


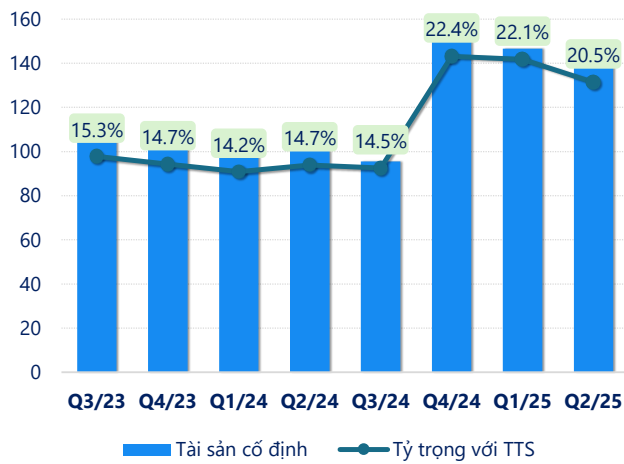
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


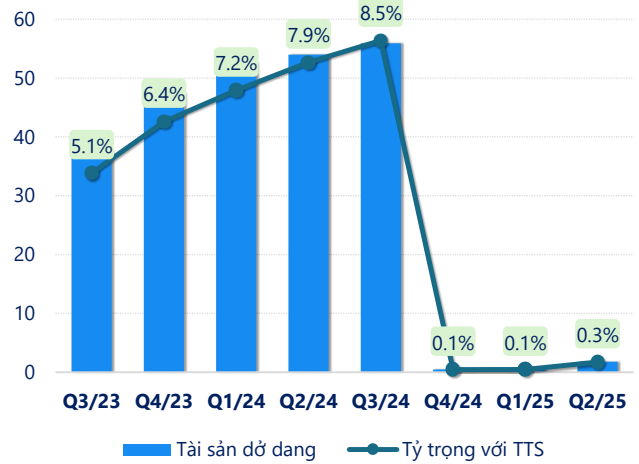
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

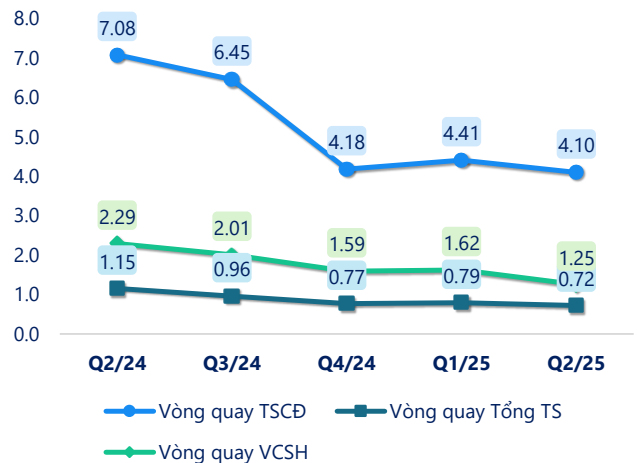
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	683	661	677	662	690
Tài sản ngắn hạn	477	459	475	466	466
Tiền và tương đương tiền	41.6	28.2	32.8	39.0	55.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	245	252	266	260	234
Hàng tồn kho	183	174	171	159	169
Tài sản ngắn hạn khác	7.18	5.85	5.45	6.76	8.05
Tài sản dài hạn	206	202	202	196	223
Phải thu dài hạn	16.0	16.0	16.0	16.5	47.4
Tài sản cố định	100	95.5	152	147	142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	54.0	55.9	0.46	0.46	1.78
Đầu tư tài chính dài hạn	27.3	27.3	27.3	27.3	27.3
Tài sản dài hạn khác	8.37	7.05	6.91	5.62	5.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	320	300	312	296	264
Nợ ngắn hạn	289	273	288	264	244
Vay và nợ thuê ngắn hạn	204	180	179	158	159
Phải trả người bán ngắn hạn	54.1	68.7	72.5	65.3	45.4
Nợ dài hạn	30.7	27.2	23.7	32.0	19.8
Vay và nợ thuê dài hạn	30.7	27.2	23.7	32.0	19.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	363	361	366	366	426
Vốn chủ sở hữu	363	361	366	366	426
Vốn điều lệ	211	211	211	211	211
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)